TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

- Bản án số: 64/2020/HNGĐ - ST
- Ngày: 02 - 10 - 2020
- V/v: " Tranh chấp ly hôn ".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Pì Sách

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Văn Hợp;

2. Bà Huỳnh Phương Lan

- *Thư ký phiên toà*: Bà Trần Thị Huyền Trang – Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên toà*:* Bà Phạm Thị Thúy Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 260/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2020, về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2020/QĐXX-ST ngày 04 tháng 9 năm 2020; Quyết định Hoãn phiên tòa số: 46/2020/QĐXX-ST ngày 21/9/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn*:* Chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1983

Địa chỉ: ấp A N, xã B A, huyện C T, tỉnh K G.

(Chị Gọn có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: Anh Hồ Q Th, sinh năm 1986

Địa chỉ: ấp An L, xã B A, huyện C T, tỉnh Kiên Gia.

(Anh Thuận vắng mặt tại phiên tòa lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 01-6-2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị G trình bày:*

- Về hôn nhân: Vào năm 2018 được sự đồng ý của hai bên gia đình chị và anh Hồ Quang Th có tổ chức đám cưới theo phong tục và đăng ký kết hôn tại

UBND xã B A, huyện Châu Th, tỉnh K G và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 12/11/2019

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng thời gian sau vợ chồng chị thường xuyên mâu thuẫn hay cải vả nhau, bất đồng quan điểm, mặc dù vợ chồng và hai bên gia đình cố gắng hàn gắn nhưng không thành.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị G yêu cầu được ly hôn với anh Thuận.

- Về con chung: Chị G xác định trong thời gian chung sống với anh Thuận thì vợ chồng có người con chung tên Hồ Nguyễn Bảo Long, sinh ngày 12/12/2019, hiện nay đang sống cùng chị G, chị G yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Bảo Long, chị không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con vì chị có đủ điều kiện kinh tế để nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị G xác định trong thời gian chung sống vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị G xác định trong thời gian chung sống vợ chồng không không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Hồ Quang Th đã được Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Th đều không có mặt.

Tại phiên tòa chị Gọn vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Th. Anh Th vắng mặt không lý do.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Đối với nguyên đơn là chị G: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn là anh Th: Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng đều không có mặt; tại phiên tòa, anh Th tiếp tục vắng mặt không có

lý do chính đáng. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo hướng chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của chị G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghị án, Toà án nhận định:

[1] Về tố tụng*:* Nguyên đơn chị G khởi kiện tranh chấp xin ly hôn với bị đơn anh Th có hộ khẩu thường trú ấp An L, xã Bình A, huyện Châu Th, tỉnh Kiên Gi. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã triệu tập hợp lệ anh Th đến phiên tòa lần thứ hai nhưng anh Th vẫn tiếp tục vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh Th là phù hợp theo quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Vào năm 2018 chị Nguyễn Thị G và anh Hồ Quang Th kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã Bình A, huyện Châu Th, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 12/11/2019, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận.

Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn, theo chị G nguyên nhân là do anh Th thường xuyên tụ tập bàn bè cờ bạc và còn người phụ nữa khác bên ngoài. Mặc dù chị G đã cho anh Th cơ hội và thời gian sửa đổi nhưng anh Th không thay đổi.

Tòa án cũng đã tiến hành lấy lời khai của bà Hình Thị V là mẹ ruột của anh Th thì bà V xác nhận: anh Th đã từng có một lần kết hôn và ly hôn với người vợ trước, đến năm 2018 thì anh Th kết hôn với chị G nhưng sau khi kết hôn với chị G thì anh Th không lo làm ăn, tối ngày cờ bạc và còn có phụ nữ khác bên ngoài vẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Bà có khuyên can nhưng anh Th vẫn không nghe.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Th không có mặt theo thông báo để Tòa án tiến hành hòa giải, thể hiện anh không có thiện chí để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng và tại phiên tòa hôm nay mặc dù anh Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng anh Th vẫn vắng mặt không lý do. Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị G và anh Th đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Gọn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Th để ổn định cuộc sống.

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị G, xử cho chị G được ly hôn anh Th là hoàn toàn phù hợp theo quy định pháp luật.

[3] Về quan hệ con chung: Chị G xác nhận trong thời gian chung sống anh chị có 01 con chung tên Hồ Nguyễn Bảo Long, sinh ngày 12/12/2019 hiện đang sống với chị G. Tại phiên tòa hôm nay chị G yêu cầu được tiếp tục chăm sóc , nuôi dưỡng con chung. HĐXX nhận định hiện nay cháu bảo Long đang sống cùng với chị G, hơn nữa hiện cháu Bảo Long thuộc trường hợp dưới 36 tháng tuổi. Do vậy cần giao cháu Bảo Long cho chị G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, HĐXX đã giải thích cho chị G về quyền yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con cho đến khi đủ 18 tuổi theo quy định của pháp luật nhưng chị G xác định không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con và việc chị G không yêu cầu anh Thuận phải cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên HĐXX không xem xét.

Người trực tiếp nuôi con phải tạo điều kiện để người không trực tiếp nuôi con thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Trường hợp cần thiết, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặc của con, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi quyền nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập anh Th đúng theo quy định pháp luật nhưng anh Th vẫn vắng mặt không lý do nên Toà án không tiến hành hoà giải, đối chất về tài sản chung giữa chị G và anh Th được. Hơn nữa tại phiên toà chị G xác nhận vợ chồng chị không tạo lập được tài sản gì chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, về phần tài sản chung HĐXX không xem xét nếu sau này các đương sự có yêu cầu thì đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[6] Về nợ chung: Chị G cam kết không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[7] Xét lời trình bày của đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị G phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị G và anh Hồ Quang Th.

2. Về con chung: Giao con chung tên Hồ Nguyễn Bảo Long, sinh ngày 12/12/2019 cho chị G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị G không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi các con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Thuận có quyền và nghĩa vụ thăm con không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị G xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị G xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị G phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng chị G được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0002434, ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang; chị G không phải nộp thêm.

" Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014".

6. Chị G có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Th có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Viện Kiểm sát huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán - Chủ Tọa Phiên Toà

Danh Pì Sách